

Số: /BC-STC  
V/v báo cáo kết quả thực hiện  
công tác CCHC năm 2023

Quảng Bình, ngày tháng năm 2023

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình

Thực hiện quy định về chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ, Sở Tài chính báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2023 như sau:

## **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo đối với công tác CCHC**

Căn cứ Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch thực hiện công tác CCHC tỉnh Quảng Bình năm 2023, Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 4980/KH-STC ngày 28/12/2022 về thực hiện công tác CCHC của Sở năm 2023. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, trong năm 2023, Sở Tài chính đã ban hành các văn bản sau<sup>1</sup>.

Sau khi UBND tỉnh công bố các chỉ số liên quan CCHC năm 2023. Ban Giám đốc Sở đã tổ chức cuộc họp với trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở để tổ chức đánh giá kết quả đạt được, rà soát, xác định nguyên nhân đối với các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần bị mất điểm, giảm điểm, xây dựng các giải pháp, các kế hoạch triển khai công tác CCHC để cải thiện chỉ số CCHC của Sở trong năm tiếp theo tại các văn bản chỉ đạo: Công văn số 956/STC-VP ngày 03/4/2023 về cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC (PAR INDEX) của Sở; Công văn số 500/STC-VP ngày 15/5/2023 về thực hiện tiêu chí “Cải cách thể chế” trong bộ Chỉ số CCHC do Sở Tư pháp làm đầu mối; Công văn số 2620/STC-VP ngày 09/8/2023 triển khai nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao các chỉ số liên quan công tác CCHC tỉnh, qua đó giao nhiệm vụ các phòng, đơn vị thuộc Sở chỉ đạo phấn đấu đạt các chỉ tiêu đề ra, tập trung khắc phục các tiêu chí bị mất điểm để cải thiện kết quả các chỉ số liên quan công tác CCHC tỉnh năm 2023.

Sở có 01 đồng chí trong Ban Giám đốc được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen vì đã có nhiều thành tích xuất sắc, đóng góp trong công tác CCHC của tỉnh. Qua đó biểu dương, tạo động lực khích lệ cho cán bộ, công chức, viên chức thi đua hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC.

---

<sup>1</sup> Kế hoạch số 4980/KH-STC ngày 28/12/2023 về CCHC năm 2023; Kế hoạch số 285/KH-STC ngày 01/02/2023 về tuyên truyền CCHC năm 2023; Kế hoạch số 556/KH-STC ngày 28/02/2023 về kiểm tra CCHC năm 2023; Kế hoạch số 325/KH-STC ngày 06/02/2023 về kiểm soát TTHC năm 2023; Kế hoạch số 4921/KH-STC ngày 26/12/2022 về công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL năm 2023; Kế hoạch số 4918/KH-STC ngày 26/12/2022 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 4917/KH-STC ngày 26/12/2022 về công tác pháp chế năm 2023; Kế hoạch số 1449/KH-STC ngày 11/5/2023 về nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp DVCTT của Sở năm 2023.

## **2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023**

Để hoàn thành các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch số 4980/KH-STC ngày 28/12/2022 về thực hiện công tác CCHC của Sở năm 2023, Sở Tài chính đã nghiêm túc tổ chức quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác CCHC. Kế hoạch CCHC năm 2023 của Sở đề ra 33 nhiệm vụ cụ thể triển khai trên tất cả 7 lĩnh vực cải cách hành chính gồm: (1) Công tác chỉ đạo điều hành; (2) Cải cách thể chế; (3) Cải cách thủ tục hành chính; (4) Cải cách tổ chức bộ máy; (5) Cải cách công vụ; (6) Cải cách tài chính công; (7) Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử. Đến nay đã hoàn thành 33/33 nhiệm vụ đề ra (đạt tỷ lệ 100%).

## **3. Đánh giá kiểm tra công tác CCHC**

Căn cứ Kế hoạch số 556/KH-STC ngày 28/02/2023 về kiểm tra CCHC năm 2023, theo đó việc kiểm tra công tác CCHC được thực hiện đối với tất cả các phòng, đơn vị thuộc Sở. Để triển khai thực hiện Kế hoạch 556/KH-STC, Sở đã ban hành Quyết định số 250/QĐ-STC ngày 06/12/2023 về việc thành lập Tổ kiểm tra công tác CCHC tại các phòng, đơn vị thuộc Sở năm 2023; ban hành công văn số 4159/STC-TKT ngày 07/12/2023 của Tổ Kiểm tra về phân công nhiệm vụ cho các thành viên Tổ kiểm tra CCHC tại các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài chính năm 2023.

Bên cạnh đó, Lãnh đạo cơ quan luôn quan tâm, chỉ đạo công chức, viên chức, người lao động (CBCCVC) trong việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như nội quy, quy chế của cơ quan, của Ngành. Chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc bộ phận chuyên môn theo dõi chặt chẽ đối với việc tiếp nhận và thời hạn trả hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) theo từng lĩnh vực trên hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh. Thường xuyên quan tâm, nhắc nhở công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận một cửa thực hiện đúng các quy định về việc tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC, luôn luôn có tinh thần thái độ phục vụ nhiệt tình. Từ đầu năm 2023 đến nay không có công chức nào bị nhân dân phản ánh về tinh thần, trách nhiệm phục vụ, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân về giải quyết TTHC.

## **4. Đánh giá công tác tuyên truyền CCHC**

Sở đã ban hành Kế hoạch số 285/KH-STC ngày 01/02/2023 về tuyên truyền CCHC năm 2023. Kịp thời phổ biến đến toàn thể CBCCVC các văn bản QPPL đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung, các TTHC đã được đơn giản hóa, ban hành mới; các giải pháp nhằm nâng cao chỉ số CCHC của Sở, của tỉnh; các văn bản chỉ đạo về giải pháp cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Phát động đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia cuộc thi “Tìm kiếm ý tưởng, giải pháp CCHC năm 2023”.

Việc triển khai công tác tuyên truyền CCHC được triển khai thông qua nhiều hình thức: cuộc họp giao ban cốt cán, buổi sinh hoạt chi bộ, đăng tải các tin, bài... trên Trang thông tin điện tử của Sở.

Năm 2023, Sở Tài chính có 01 bản tin CCHC trên Đài Phát thanh – Truyền

hình Quảng Bình có nội dung liên quan đến lĩnh vực cải cách tài chính công của tỉnh.

## **5. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao**

Từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo, có tổng số 237 nhiệm vụ có hạn đã được xử lý 237/237 nhiệm vụ (đạt tỷ lệ 100%). Đối với hệ thống QLVB của Sở có 403 nhiệm vụ. Đến thời điểm báo cáo còn có 16 nhiệm vụ được giao đang triển khai thực hiện theo thời hạn quy định (trong đó không có hạn: 6 văn bản, có ấn định thời gian: 10 văn bản). Như vậy về tổng quan chung Sở Tài chính đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, không có nhiệm vụ thực hiện quá hạn hoặc quá hạn nhưng chưa thực hiện.

## **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC CCHC**

### **1. Cải cách thể chế**

#### **1.1. Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)**

Thực hiện Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2023. Đến thời điểm hiện tại, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 02/03 văn bản QPPL; 01 văn bản QPPL còn lại được UBND tỉnh giao hoàn thành trong Quý IV/2023, Sở đang tham mưu, lấy ý kiến của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan để hoàn thiện dự thảo trước khi trình UBND tỉnh ban hành.

Ngoài ra, Sở Tài chính đã tham mưu ban hành một số chính sách, chế độ áp dụng trên địa bàn:

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành 12 Nghị quyết.
- Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 10 Quyết định.

Quy trình xây dựng văn bản QPPL đảm bảo chặt chẽ, khoa học, chuyên nghiệp và đúng trình tự, thủ tục, bảo đảm tính minh bạch, các văn bản QPPL được ban hành có chất lượng và đúng tiến độ.

#### **1.2. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

- Về công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện theo dõi tình hình THPL

Nhằm xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật; kiến nghị các giải pháp đảm bảo cho pháp luật được thi hành nghiêm minh, thống nhất; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, bất cập, hạn chế trong việc thi hành pháp luật và những kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật. Sở Tài chính đã xây dựng Kế hoạch số 4918/KH-STC ngày 26/12/2022 về kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 theo đúng quy định.

Thực hiện các quy định tại Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 28/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ và Thông tư số 04/2021/TTBTP ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Để hoàn thiện các quy định của pháp

luật về theo dõi tình hình thi hành pháp luật nhằm góp phần nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, trong đó chú trọng:

+ Tính thống nhất, đồng bộ, tính khả thi của các quy định pháp luật trong lĩnh vực tài chính, ngân sách để kịp thời đề xuất, kiến nghị xử lý những nội dung, quy định chồng chéo, thiếu đồng bộ, không khả thi hoặc những điểm còn tồn tại, hạn chế của pháp luật.

+ Trình tự, thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở để kịp thời đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hoặc ban hành TTHC mới, đảm bảo không gây khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân.

+ Rà soát văn bản quy phạm pháp luật để kiến nghị kịp thời điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi các quy định, hướng dẫn trong lĩnh vực tài chính trên địa bàn tỉnh.

- Về trách nhiệm theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023

Hàng năm, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và Công văn số 463/UBNDNCVX ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh, Sở Tài chính đã triển khai theo dõi tình hình thi hành pháp luật về quản lý, điều hành giá các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu theo quy định tại Điều 15 của Luật giá, cụ thể: giá xăng, giá dầu thành phẩm; giá điện; giá khí dầu mỏ hóa lỏng; giá phân đạm; giá phân NPK; giá thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật; giá vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; giá muối ăn; giá sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi; giá đường ăn (bao gồm: đường trắng và đường tinh luyện); giá thóc, giá gạo tẻ thường; giá thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật...

Thực hiện Công văn số 1425/VPUBND-TH ngày 11/4/2023 của Văn phòng UBND tỉnh về việc thực hiện Thông báo số 118/TB-VPCP ngày 10/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về công tác điều hành giá tại cuộc họp Ban Chỉ đạo điều hành giá Quý I/ 2023, Sở Tài chính đã có Công văn số 1158/STC-GCSDN ngày 18/4/2023 tham mưu UBND tỉnh văn bản chỉ đạo tăng cường các biện pháp quản lý, điều hành về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành có liên quan.

### **1.3. Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật**

Năm 2023, Sở đã tập trung phổ biến, tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật mới, các văn bản chỉ thị của Đảng, Nhà nước đến toàn thể các đối tượng có liên quan, đặc biệt là các văn bản mới.

Sở đẩy mạnh công tác phổ biến các văn bản QPPL quan trọng định kỳ theo tháng đến CBCCVC qua trang quản lý thông tin điện tử và gửi văn bản trực tiếp về đến các phòng, đơn vị, tuyên truyền tại hội nghị giao ban, các cuộc họp, cụ thể:

- Đối với cán bộ công chức, viên chức ngành Tài chính:

+ Lãnh đạo Sở chỉ đạo các phòng quán triệt toàn thể CBCCVC thường

xuyên cập nhật, tự nghiên cứu các chế độ, chính sách để phục vụ hiệu quả công tác chuyên môn, các văn bản QPPL mới được Trung ương, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành áp dụng trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyên truyền đến CBCCVV tham gia các cuộc thi trực tuyến, thi viết do các cơ quan, cấp có thẩm quyền phát động, đặc biệt cuộc thi tìm hiểu ĐA06 và tìm kiếm ý tưởng, giải pháp CCHC tỉnh Quảng Bình năm 2023.

- Đối với các đối tượng là kế toán tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp:

Thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng kiến thức tài chính của UBND tỉnh, Sở Tài chính đã chỉ đạo Trung tâm Tin học và Dịch vụ tài chính công tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý tài chính, kế toán nhằm cập nhật thường xuyên các chính sách, chế độ, pháp luật của Nhà nước với các nội dung như: Quản lý tài chính, quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, các văn bản mới (Thông tư số 56/TT-BTC ngày 16/9/2022; Sửa đổi Nghị định 151, thông tư số 45/TT-BTC, Nghị định 04/2019/NĐ-CP...), tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao năng lực quản lý trong lĩnh vực tài chính, kế toán và đầu tư cho các đối tượng gồm chủ tài khoản, kế toán, chủ đầu tư, lãnh đạo các đơn vị cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; các địa phương (huyện, xã). Đến thời điểm hiện tại, Sở đã tổ chức 27 lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, với tổng kinh phí: 1.931.480.000 đồng.

#### **1.4. Tình hình triển khai rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát**

Sở đã ban hành Kế hoạch số 4921/KH-STC ngày 26/12/2022 về công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL năm 2023. Đồng thời, để triển khai thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo Kế hoạch số 2490/KH-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh về công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2023 và Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh về hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019 - 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đúng quy định và tiến độ được giao, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ Sở Tài chính ban hành Kế hoạch số 1160/KH-STC ngày 18/4/2023 về thực hiện công tác rà soát văn bản QPPL năm 2023 và hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023.

Thực hiện Công văn số 1044/STP-XDKTVB ngày 04/4/2023 của Sở Tư pháp về việc rà soát và đề nghị bãi bỏ các Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh. Qua rà soát, Sở đã đề nghị bãi bỏ 01 Nghị quyết số 77/2021/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 tỉnh Quảng Bình) do hết giai đoạn thực hiện. Hiện tại, Nghị quyết số 77/2021/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 đã được Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bãi bỏ tại Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh về bãi bỏ một số Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 1400/VPUKND-KSTT ngày 10/4/2023 về tham mưu rà soát, đề xuất cơ chế ưu đãi phí, lệ phí trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, trong đó giao Sở Tài

chính hướng dẫn, đơn đốc, tổng hợp kết quả đề xuất mức thu phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến. Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 về sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình nhằm thúc đẩy việc thực hiện TTHC qua Cổng Dịch vụ công và thanh toán trực tuyến.

Thực hiện công văn số 2038/UBND-NCVX ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh về tham mưu xử lý VBQPPL theo Kết luận số 737/KL-KtrVB ngày 10/8/2023 của Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp về kiểm tra VBQPPL theo địa bàn tại tỉnh Quảng Bình. Theo đó, giao Sở Tài chính tham mưu xử lý Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh về ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Đến nay, Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND đã được Sở Tài chính kịp thời khắc phục, tham mưu UBND tỉnh xử lý (bằng hình thức bãi bỏ một phần) và đã được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 về bãi bỏ một phần Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

### **2.1. Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC**

Thực hiện Kế hoạch số 2023/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 công bố 05 TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính. Trên cơ sở Quyết định số 653/QĐ-UBND và các văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực thi hành, Sở Tài chính đã tổ chức rà soát, điền biểu mẫu rà soát TTHC nội bộ. Kết quả rà soát cho thấy, trong 05 TTHC nội bộ được công bố tại Quyết định số 653/QĐ-UBND có 01 TTHC nội bộ được đề xuất sửa đổi, bổ sung tại yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC nội bộ.

Căn cứ kết quả rà soát, Sở Tài chính đã thực hiện xây dựng dự thảo Quyết định phê duyệt kèm theo phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính theo mẫu 04b được ban hành theo Kế hoạch số 2023/KH-UBND gửi xin ý kiến góp ý của UBND tỉnh tại Công văn số 4013/STC-VP ngày 29/11/2023.

Sở thường xuyên thực hiện công tác rà soát các TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở. Sau khi rà soát, Sở đã có các kiến nghị chuẩn hóa nội dung các TTHC, cụ thể:

+ Tờ trình 1417/TTr-STC ngày 10/5/2023 về kiến nghị công bố, công khai bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung 04 TTHC được công bố, công khai tại Quyết định số 2069/QĐ-BTC ngày 27/9/2016 của Bộ Tài chính về công bố TTHC trong lĩnh vực

Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính có căn cứ pháp lý đã hết hiệu lực.

+ Tờ trình số 1963/TTr-STC ngày 21/6/2023 về đề nghị công bố, công khai, sửa đổi, bổ sung TTHC trên Cổng DVC quốc gia đối với 02 TTHC thuộc lĩnh vực Quản lý công sản do Bộ Tài chính công bố tại Quyết định số 2069/QĐ-BTC ngày 27/9/2016 có căn cứ pháp lý liên quan đến tờ đơn, tờ khai là thành phần hồ sơ của TTHC đã hết hiệu lực thi hành.

+ Tờ trình 2852/TTr-STC ngày 30/8/2023 về kiến nghị phương án đơn giản hóa 03 TTHC được công bố, công khai tại Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính về công bố TTHC mới ban hành trong lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Quyết định số 902/QĐ-BTC ngày 22/5/2017 của Bộ Tài chính về công bố TTHC mới ban hành trong lĩnh vực tài chính ngân hàng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, có quy định thành phần hồ sơ của TTHC liên quan đến CCCD/CMND do có thể truy xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và phù hợp với lộ trình đưa vào vận hành và khai thác ứng dụng VNEID.

## **2.2. Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết**

Căn cứ các quyết định công bố của Bộ Tài chính, Sở kịp thời tham mưu UBND tỉnh công bố các TTHC theo đúng quy định. Từ đầu năm đến nay, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 03 Quyết định công bố Danh mục TTHC bổ sung mới trong lĩnh vực Quản lý công sản, Tài chính Doanh nghiệp (05 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Tài chính; 02 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính); 01 Quyết định công bố Danh mục TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Tài chính, UBND cấp huyện và Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện trên địa bàn tỉnh (17 TTHC cấp tỉnh, 15 TTHC cấp huyện). Hiện nay, tổng số TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở: 25 TTHC (11 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Tài chính; 07 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính; 01 TTHC đặc thù, 06 TTHC cấp huyện).

100% TTHC sau khi được công bố đều được Sở cập nhật và công khai trên trang Trang thông tin điện tử của Sở. Đồng thời, được kết nối, tích hợp, đồng bộ về Cổng Dịch vụ công, Hệ thống Thông tin một cửa điện tử, Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Bên cạnh đó, 100% TTHC đã niêm yết công khai dưới 02 hình thức là Bảng niêm yết và Sổ hướng dẫn TTHC...tạo thuận lợi cho tổ chức và công dân tìm hiểu, thực hiện TTHC nhanh chóng

Việc công khai địa chỉ, số điện thoại, hộp thư và kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC tại cơ quan thực hiện đảm bảo đúng theo quy định.

## **2.3. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.**

Nhằm đổi mới mô hình, nâng cao hiệu quả, năng suất lao động của Bộ phận Một cửa các cấp theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và Đề án 468; nâng cao hiệu

quả phục vụ, cung cấp dịch vụ chất lượng hơn trong việc giải quyết TTHC cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị và người dân. Sở Tài chính đã rà soát, cải tiến, xây dựng lại Quy chế hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của Sở tại Quyết định số 129/QĐ-STC ngày 29/5/2023. Quy chế hoạt động tuân thủ nguyên tắc lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu, động lực, là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức của Sở Tài chính.

100% TTHC được đưa ra thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, với tổng số 19 TTHC. Các TTHC thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả được niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ nội dung, quy trình thực hiện; Thường xuyên phê duyệt đề tổ chức thiết lập lên Cổng Dịch vụ công (DVC) tỉnh và kết nối, tích hợp lên Cổng DVC Quốc gia. Năm 2023, đã phê duyệt mới 09 quy trình DVCTT để tổ chức thiết lập lên Cổng DVC tỉnh và kết nối, tích hợp lên Cổng DVC quốc gia. Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến thuộc thẩm quyền quản lý của Sở (cả trên Cổng DVC tỉnh và Cổng DVC của Bộ) là 1021 hồ sơ của các TTHC đã được xây dựng DVC trực tuyến (chiếm tỷ lệ 86%).

Năm 2023, theo kết quả tổng hợp trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh/Bộ Tài chính, tỷ lệ số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC của Sở Tài chính đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ TTHC của Sở được giải quyết trước hạn, đúng hạn là 99,9%; có 01 hồ sơ quá hạn giải quyết, nguyên nhân do cán bộ tiếp nhận hồ sơ nhập thời gian hẹn trả kết quả trùng với thời gian nhận kết quả, mặc dù trên thực tế TTHC đã giải quyết trước thời gian quy định của TTHC.

Sở không có bất kỳ đơn thư khiếu nại, phản ánh kiến nghị nào về TTHC.

Để tiếp tục phát huy hiệu quả của Chức năng đánh giá giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công tỉnh. Hàng quý, Sở thực hiện nghiêm túc việc thu thập Phiếu khảo sát và cập nhật lên Chức năng đánh giá giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công tỉnh theo đúng quy định tại Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh. Kết quả đánh giá chung việc giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công tỉnh của Sở được cải thiện qua từng Quý: Quý I/2023 đạt 94%, Quý II/2023 đạt 95%, Quý III/2023 đạt 99,4%.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

#### **3.1. Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; sắp xếp, kiện toàn các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập**

Việc sắp xếp các tổ chức hành chính: Sở đã triển khai và thực hiện đầy đủ các quy định về tổ chức bộ máy. Các phòng và đơn vị đã bám sát chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện công tác chuyên môn theo đúng thẩm quyền, tham mưu với Ban Giám đốc Sở triển khai thực hiện tốt các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở. Sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, hiện tại, Sở có 06 phòng chuyên môn thuộc Sở Tài chính gồm: Văn phòng Sở; Thanh tra Sở (có con dấu riêng để hoạt động); Phòng Quản lý Giá, công sản và Tài chính doanh nghiệp; Phòng Tài chính Đầu tư; Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp; Phòng Quản lý Ngân sách.

Sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập: Sở có 01 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: Trung tâm Tin học và Dịch vụ tài chính công. Sau khi sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, hiện tại, Trung tâm có 02 phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Phòng Tổng hợp, Phòng Hỗ trợ kỹ thuật.

### **3.2. Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức**

Biên chế giao: Năm 2023, Sở Tài chính được giao 74 biên chế bao gồm:

+ Khối Văn phòng Sở: 54 biên chế (51 công chức, 03 hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/2018/NĐ-CP, nay là Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập).

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: 20 biên chế (10 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách, 08 biên chế sự nghiệp hưởng lương tự trang trải, 02 hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/2018/NĐ-CP, nay là Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập).

Biên chế có mặt (tính đến thời điểm hiện tại): 71 biên chế trong đó:

+ Khối Văn phòng Sở: 51 biên chế (48 công chức, 03 hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/2018/NĐ-CP, nay là Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập).

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: 20 biên chế (10 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách, 08 biên chế sự nghiệp hưởng lương tự trang trải, 02 hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/2018/NĐ-CP, nay là Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập).

Sở Tài chính đã sử dụng bố trí, phân bổ biên chế công chức, số lượng người làm việc và Hợp đồng lao động cho các phòng, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở một cách khoa học, hợp lý không chồng chéo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và điều kiện thực tế tại Khối văn phòng và Khối trực thuộc. Do đó, đã phát huy được trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực công tác của đội ngũ CBCCVC góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### **3.3. Thực hiện phân cấp quản lý cán bộ**

Sở tiếp tục rà soát thực hiện phân cấp quản lý về tổ chức và biên chế theo đúng quy định. Hiện nay, phân công nhiệm vụ của Lãnh đạo Sở được quy định tại văn bản số 1888/TB-STC ngày 07/6/2022; Sở cũng đã ban hành các quy định phân công nhiệm vụ tới từng CBCCVC đảm bảo rõ ràng không có sự chồng chéo về chức năng nhiệm vụ của từng phòng, đơn vị, từng CBCCVC trong cơ quan.

Qua công tác kiểm tra, giám sát đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở đã phân cấp chưa phát hiện thấy sai phạm của từng phòng, đơn vị thuộc Sở.

### **3.4. Xây dựng, ban hành quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức**

Thực hiện Công văn số 2218/UBND-NCVX ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc xây dựng đề án, phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; Công văn số 1672/SNV-XDCQ&TCBC ngày 07/9/2023 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung xây dựng vị trí việc làm đối với các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, Sở Tài chính đã căn cứ các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, các Bộ, ngành và UBND tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao đã xây dựng Đề án vị trí việc làm Sở Tài chính Quảng Bình. Sở đã ban hành công văn số 4023/STC-VP ngày 30/11/2023 đề nghị Sở Nội vụ thẩm định Đề án vị trí việc làm của Sở.

## **4. Cải cách chế độ công vụ**

### **4.1. Kết quả thực hiện tuyển dụng, điều động, chuyển đổi công chức, viên chức**

Sở đã hoàn thành theo trình tự, hồ sơ, thủ tục công tác xét tuyển và tuyển dụng viên chức đơn vị sự nghiệp theo quy định. Thực hiện quy trình tiếp nhận theo Quyết định số 28/QĐ-STC ngày 31/01/2023 của Giám đốc Sở Tài chính về việc tiếp nhận 01 viên chức trúng tuyển vào làm việc tại Trung tâm Tin học và Dịch vụ tài chính công.

Năm 2023, Sở không tuyển dụng mới, tiếp nhận công chức nào vào làm việc tại Sở.

Số lượng công chức dự kiến chuyển đổi, thay đổi vị trí công tác trong năm 2023 theo kế hoạch số 647/KH-STC ngày 08/3/2023 là 04 người và thực hiện chuyển đổi từ Quý II/2023 đến trước ngày 30/10/2023. Đến thời điểm báo cáo Sở Tài chính đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với 04 công chức đạt 100% kế hoạch đề ra

### **4.2. Bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức**

Căn cứ các quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ. Năm 2023, Sở đã triển khai lấy phiếu bổ nhiệm mới đối với 01 Phó Chánh Văn phòng Sở và 01 Phó trưởng phòng Quản lý giá, công sản và Tài chính Doanh nghiệp.

### **4.3. Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức**

Năm 2023, Sở có 01 công chức thi nâng ngạch đã được bổ nhiệm ngạch Chuyên viên cao cấp tại Quyết định số 1426-QĐ/TU ngày 13/11/2023 của Tỉnh ủy.

Không có viên chức được thi thăng hạng

### **4.4. Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của**

Sở tiếp tục quán triệt, chỉ đạo thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của CBCCVV tại cơ quan, đơn vị theo Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 28/02/2022 của Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở, nghiêm túc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm thực thi công vụ, thái độ giao tiếp, ứng xử, phục vụ nhân dân; Công văn số 276/UBND-TH ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh về việc tăng cường

kỷ luật, kỷ cương hành chính và xây dựng văn hóa công sở; Công văn số 2517/UBND-NCVX ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh về tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở.

Vì vậy, Sở Tài chính không có bất kỳ CBCCCVC nào bị xử lý kỷ luật.

## **5. Cải cách tài chính công**

Sở chấp hành và thực hiện đúng quy định của Luật quản lý sử dụng tài sản công, không có phát sinh sai phạm trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Công tác mua sắm tài sản nhà nước được thực hiện theo đúng quy định, tiêu chuẩn, định mức và chế độ. Thực hiện các biện pháp phù hợp, hiệu quả để tiết kiệm triệt để chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm và các chi phí khác.

Triển khai Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Hiện nay, Trung tâm Tin học và Dịch vụ tài chính công thuộc Sở tuy vẫn là đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, nhưng mức độ tự đảm bảo chi thường xuyên đã tăng dần qua các năm (giai đoạn 2018 – 2020 là 7%, giai đoạn 2021-2022 là 10%, năm 2023 là 15%).

Trung tâm đã chủ động xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; quản lý và sử dụng tài sản công phù hợp và đúng theo quy định; thực hiện công khai, minh bạch về tài chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về điện, nước, điện thoại, công tác phí, văn phòng phẩm, khánh tiết, hội họp, ... (được xây dựng chi tiết tại quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, quy chế làm việc của đơn vị):

- + Quy định cụ thể các hình thức và định mức chi tiêu: Văn phòng phẩm, công tác phí, tiếp khách, hội nghị thấp hơn mức trần theo quy định của Nhà nước, đảm bảo sử dụng hiệu quả kinh phí, phù hợp với thực tế và tránh lãng phí, thất thoát.

- + Quy định cụ thể và có chế tài xử lý rõ ràng trong việc quản lý và sử dụng tài sản công: quy định thời gian bật, tắt điều hòa; việc sử dụng điện, nước, điện thoại và các thiết bị khác tại cơ quan...

- + Triển khai áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong trao đổi dữ liệu, tin tức, văn bản để tiết kiệm chi phí văn phòng phẩm, nâng cao hiệu quả và hiệu suất công việc.

## **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

### **6.1. Thể chế số**

Để đảm bảo triển khai thực hiện chuyển đổi số đạt hiệu quả theo mục tiêu đề ra, Sở Tài chính đã ban hành kế hoạch về thực hiện chuyển đổi số hàng năm và giai đoạn như sau:

- + Kế hoạch số 2481/KH-STC ngày 13/7/2022 về triển khai chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- + Kế hoạch số 4360/KH-STC ngày 23/11/2023 về việc xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023.

- + Kế hoạch số 420/KH-STC ngày 15/2/2023 về việc triển khai thực hiện

nhiệm vụ Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai năm 2023 theo Kế hoạch của UBND tỉnh.

+ Kế hoạch 1843/KH-STC ngày 13/6/2023 về việc thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 05/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

+ Kế hoạch số 1449/KH-STC ngày 11/5/2023 về việc nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Sở Tài chính Quảng Bình năm 2023.

Trong năm, Tổ Chỉ đạo chuyển đổi số Sở Tài chính đã tham mưu cho Ban giám đốc xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch liên quan đến công tác chuyển đổi số. Tham mưu cho Lãnh đạo Sở triển khai các hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của cán bộ công chức, viên chức và người dân trong công tác chuyển đổi số nói chung và tại Sở Tài chính nói riêng nhằm tiến tới xây dựng chính quyền số theo kịp xu hướng của thời đại.

## **6.2. Hạ tầng số**

Hệ thống máy tính: hiện nay, Sở Tài chính có 05 máy chủ chuyên dùng, 68 máy vi tính để bàn, 50 máy tính xách tay (bao gồm cả đơn vị HCSN trực thuộc sở), có hệ thống phòng cháy, chữa cháy và chống sét cho phòng máy chủ. Đạt tỷ lệ trang bị máy tính/cán bộ là 100%.

Hệ thống mạng Lan, gồm 90 nút mạng được sửa chữa thay mới hoàn toàn năm 2020, kết nối vào hạ tầng truyền thông thống nhất trong ngành tài chính để thực hiện các ứng dụng dùng chung, các hoạt động tác nghiệp của ngành về thu, chi ngân sách: như Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách - Kho bạc (TABMIS), quản lý mã số, quản lý nguồn vốn, khai thác báo cáo, cơ sở dữ liệu về giá, ...

Hệ thống máy tính làm việc của CBCCVC đều được kết nối mạng nội bộ và Internet tốc độ cao, có thể trao đổi thông tin trong nội bộ với cá nhân, đơn vị bên ngoài, tra cứu các văn bản, thông tin phục vụ công việc một cách đầy đủ, kịp thời. Sở Tài chính có máy tính riêng phục vụ cho việc soạn thảo văn bản bảo mật theo quy định.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kết nối thành công và đem vào sử dụng mạng TSLCD của các cơ quan Đảng, Nhà nước theo công văn số 1022/STTTT-CĐS ngày 15/06/2023 của Sở thông tin và Truyền thông.

Về hạ tầng an toàn bảo mật: hệ thống mạng Sở Tài chính có hệ thống kiểm soát, giám sát an ninh (Firewall); hệ thống phòng chống virus (kaspersky) có bản quyền đảm bảo hoạt động ổn định cho hệ thống mạng trong ngành. Có trang bị máy tính dành riêng cho soạn thảo văn bản bảo mật đảm bảo theo quy định.

Duy trì việc cập nhật thường xuyên về các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, chế độ, chính sách, các lĩnh vực CCHC trên trang thông tin điện tử Sở Tài chính (địa chỉ <http://stc.quangbinh.gov.vn>) để phục vụ các đơn vị, doanh nghiệp, công dân thuận tiện trong tra cứu, khai thác thông tin.

### **6.3. Dữ liệu số**

Thực hiện quy định của Bộ Tài chính về việc vận hành Trung tâm trao đổi thông tin thu chi ngân sách nhà nước, Sở Tài chính đã tham gia triển khai thực hiện vận hành, cập nhật dữ liệu vào các hệ thống thông tin: Kho dữ liệu thu- chi NSNN, Báo cáo thống kê Sở Tài chính, ứng dụng công khai ngân sách NN, CSDL danh mục dùng chung, CSDL văn bản pháp quy, CSDL quốc gia về giá, Quản lý đăng ký tài sản công, Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Quản lý công trình cấp nước sạch nông thôn, Hệ thống quản lý tài chính doanh nghiệp nhà nước.

Tham gia quản lý và vận hành phần mềm Hệ thống Thông tin Quản lý Ngân sách và Kho bạc (Tabmis) do Bộ Tài chính cung cấp. Hướng dẫn, sửa chữa kịp thời các sự cố hư hỏng theo đề nghị của các Phòng chuyên môn thuộc Sở và Phòng Tài chính–Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố tham gia trong hệ thống. Tổ chức quản lý hệ thống hạ tầng truyền thông (kênh truyền và thiết bị tin học) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo chỉ đạo của Bộ Tài chính (Công văn số 715/THTKCNTT).

Triển khai hiệu quả các phần mềm như: Khai thác báo cáo quyết toán, Kho thu chi ngân sách, danh mục dùng chung, cập nhật báo cáo lên phần mềm công khai ngân sách của Bộ Tài chính và ứng dụng công khai ngân sách tỉnh Quảng Bình, để phục vụ cho công tác quản lý chuyên môn nghiệp.

### **6.4. Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến**

Sở đã triển khai chuyển đổi quy trình, phương thức thực hiện TTHC từ trực tiếp sang môi trường điện tử ưu tiên với những thủ tục được các tổ chức, đơn vị sử dụng nhiều bằng việc xây dựng, cung cấp các DVCTT một phần, toàn trình cũng như DVCTT thí điểm tiếp nhận hồ sơ hoàn toàn qua trực tuyến trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình.

Sở đã xây dựng, cung cấp 10/25 TTHC lên DVCTT một phần, toàn trình (05 DVCTT thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính; 05 DVCTT thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Tài chính).

Sở tiếp tục xây dựng 10/25 TTHC lên DVCTT toàn trình chờ UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố (06 TTHC trong lĩnh vực Quản lý giá, Quản lý công sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình) tại Tờ trình 3200/TTr-STC ngày 28/9/2023; 04 TTHC trong lĩnh vực Quản lý giá, Quản lý công sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tại Tờ trình số 3499/TTr-STC ngày 24/10/2023.

Hiện, Sở còn 05 TTHC chưa xây dựng được quy trình DVCTT do Sở Tài chính đang kiến nghị đơn giản hóa 04 TTHC (02 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, 02 TTHC cấp huyện) tại Tờ trình số 2852/TTr-STC ngày 30/8/2023 và 01 TTHC có sự tham gia, phối hợp giải quyết của Sở Tài chính với UBND tỉnh, Tập đoàn Điện lực, Bộ Tài chính và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Sở đang phối hợp với UBND tỉnh để được hướng dẫn xây dựng quy trình điện tử.

### **6.5. Duy trì, cập nhật các phần mềm dùng chung của tỉnh**

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường, nâng cao hiệu quả khai thác các phần mềm ứng

dụng CNTT vào trong công việc, tăng cường sử dụng: hệ thống quản lý văn bản và điều hành; phần mềm quản lý nhân sự; phần mềm quản lý công tác thanh tra; hệ thống thông tin báo cáo định kỳ về tình hình KT-XH phục vụ sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh; hệ thống thư điện tử công vụ; sử dụng chữ ký số chuyên dùng, sim ký số do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp trong việc ký số văn bản để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng; Công Dịch vụ công tỉnh/Bộ Tài chính, hệ thống thông tin điện tử một cửa điện tử của tỉnh...

a) Việc ứng dụng ký số trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành

100% lãnh đạo Sở sử dụng chữ ký số chuyên dùng để thực hiện ký số toàn bộ các văn bản trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành.

Hiện tại, Sở có 04 đồng chí lãnh đạo trong Ban Giám đốc Sở được cấp sim ký số. Tuy nhiên, việc thực hiện ký số di động trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành phức tạp và mất nhiều thời gian. Vì vậy, chỉ có 03/04 lãnh đạo Sở (đạt tỷ lệ 75%) thực hiện ký số di động trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành.

b) Trao đổi văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành

100% tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng.

100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thực hiện bằng điện tử (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật). Qua thống kê số liệu của Sở, đến thời điểm hiện tại: Tổng số văn đi (trừ văn bản mật): 4895; Tổng số văn đi, gửi ở dạng điện tử: 4895; Tổng số văn đi, gửi song song ở dạng điện tử và văn bản giấy: 400.

c) Cập nhật hồ sơ CBCCVC trên phần mềm quản lý hồ sơ CBCCVC của tỉnh

Thực hiện Công văn số 1136/SNV-CBCCVC ngày 24/6/2023 của Sở Nội vụ về cập nhật thông tin lên phần mềm quản lý hồ sơ CBCCVC của tỉnh. Sở đã triển khai cho toàn thể CBCCVC cập nhật đầy đủ thông tin, dữ liệu cá nhân lên phần mềm quản lý hồ sơ CBCCVC của tỉnh. Đến thời điểm hiện tại 100% CBCCVC đã cập nhật đầy đủ thông tin lên phần mềm quản lý hồ sơ CBCCVC của tỉnh và đã được đồng bộ lên cơ sở dữ liệu quốc gia.

d) Cập nhật thông tin trên Phần mềm quản lý công tác thanh tra

Sở đã thực hiện cập nhật đầy đủ 100% các thông tin liên quan đến toàn bộ Cuộc thanh tra (Kế hoạch Thanh tra, Quyết định thanh tra, kết luận thanh tra....) do Thanh tra Sở thực hiện trong năm 2023 lên phần mềm theo đúng quy định.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh

Sở cập nhật đầy đủ các báo cáo, số liệu liên quan đến các chỉ tiêu thu, chi ngân sách của tỉnh hàng tháng, hàng Quý, 9 tháng, năm theo đúng quy định tại Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh.

#### **6.6. Duy trì, cập nhật Trang thông tin điện tử của Sở**

Sở thường xuyên kiểm tra, giám sát việc công khai thông tin trên Trang thông tin điện tử đảm bảo chính xác, đầy đủ, cập nhật, kịp thời, minh bạch, thuận lợi và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ, an toàn thông tin mạng, tiếp cận thông tin; góp phần phục vụ phát triển chính

quyền điện tử hướng tới chính quyền số và đáp ứng yêu cầu cải thiện, nâng cao chất lượng các chỉ số CCHC.

Trang thông tin điện tử của Sở đã cung cấp, cập nhật đầy đủ các loại, mục thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

Ban Giám đốc Sở thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo quyết liệt, đôn đốc việc thực hiện CCHC; phổ biến, cụ thể hoá kịp thời các chủ trương, văn bản pháp luật về công tác CCHC đến từng CBCCVC và người lao động trong thực thi nhiệm vụ.

Chất lượng giải quyết TTHC được nâng cao. Cơ chế một cửa tiếp tục được duy trì, mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC cho cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đã tăng cường đánh giá mức độ hài lòng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, tổ chức, lấy đó làm thước đo về chất lượng phục vụ của cơ quan.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý góp phần tích cực vào việc giảm bớt phiền hà trong giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; đội ngũ CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hành chính, kỹ năng giao tiếp nhằm nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm trong công việc. Thực hiện ký số các văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục liên thông của tỉnh (trừ các văn bản mật) giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh với UBND tỉnh.

#### **2. Nhược điểm**

Việc công bố các TTHC còn chậm so với quy định.

### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ**

1. Thực hiện nghiêm túc Quy chế hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của Sở.

2. Tổ chức triển khai rà soát, tái cấu trúc quy trình, hoàn thiện quy trình điện tử đối với tất cả các TTHC, dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực quản lý để khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết TTHC.

3. Tiếp tục rà soát, sửa đổi các văn bản QPPL có quy định về giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư theo ngành, lĩnh vực quản lý và các văn bản có quy định yêu cầu nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú.

4. Tổ chức rà soát, chuyển đổi quy trình, thực hiện TTHC, DVC từ phương thức truyền thống sang môi trường điện tử; chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, xây dựng các biểu mẫu điện tử, phần mềm chuyên dụng, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC

5. Cải tiến việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại Sở theo tiêu chuẩn

TCVN ISO 9001:2015.

6. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác xây dựng, góp ý, thẩm định, rà soát hệ thống văn bản QPPL thuộc lĩnh vực Sở phụ trách.

*(Kèm theo các biểu mẫu).*

Sở Tài chính báo cáo./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT; VP.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Bùi Mạnh Cường**

**BIỂU MẪU 1****Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b>	<b>Văn bản</b>	<b>10</b>
<b>2.</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC</b>	<b>%</b>	<b>100%</b>
2.1.	Số nhiệm vụ trong Kế hoạch	Nhiệm vụ	33
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	33
<b>3.</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>		
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	
3.3.2.	Số vấn đề đã xử lý xong	Vấn đề	
<b>4.</b>	<b>Thanh tra việc thực hiện quy định tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy</b>		
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	
4.2.	Số cơ quan, đơn vị đã hoàn thành kết luận thanh tra	%	
<b>5.</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>		
5.1.	Số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	
5.4.	Số nhiệm vụ đã quá hạn chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	
<b>6.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	<b>Có=1; Không=0</b>	<b>1</b>
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	27
6.2.	Hình thức khảo sát		Phát phiếu
<b>7.</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	<b>Không = 0 Có = 1</b>	

**BIỂU MẪU 2**  
**Cải cách thể chế**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành</b>	<b>Văn bản</b>	<b>24</b>
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	24
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>		
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>		
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	02
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	02
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	02

**BIỂU MẪU 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Thống kê thủ tục hành chính (TTHC)</b>		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	8
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	25
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>19</i>
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>06</i>
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>0</i>
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>		
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	11
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	10
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>		
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,9%
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>1182</i>
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>1181</i>
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	<i>0</i>
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	<i>0</i>

**BIỂU MẪU 4****Cải cách tổ chức bộ máy***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>		
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	01
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	1
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	
<b>2.</b>	<b>Biên chế công chức</b>		
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	51
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	48
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	3
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại đơn vị sự nghiệp công lập		
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	20
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	20
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	

**BIỂU MẪU 5****Cải cách chế độ công vụ***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm công chức, viên chức</b>		
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>		<b>1</b>
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	1
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo, quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (từ đầu năm đến nay)</b>		<b>0</b>
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)</b>		<b>0</b>
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	

**BIỂU MẪU 6****Cải cách tài chính công***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	<b>%</b>	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>		
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	<b>1</b>
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<b>1</b>
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	

**BIỂU MẪU 7**

**Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0 Hoàn thành=1	0
<b>2.</b>	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến</b> <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	1
<b>3.</b>	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%	100%
<b>4.</b>	<b>Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).</b>	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành=2	2
<b>5.</b>	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>		
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100%
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương ( <i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i> )	%	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100%
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh		
5.3.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100%
5.3.2.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	
<b>6.</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>		
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
6.4.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.4.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.4.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.5.	<i>Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>%</i>	<i>80%</i>
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>20</i>
6.5.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>10</i>
6.5.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>5</i>
6.6.	<i>Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>%</i>	<i>100%</i>
6.6.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>1</i>
6.6.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>9</i>
6.7.	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)</i>	<i>%</i>	<i>87%</i>
6.7.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>1175</i>
6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>1021</i>
6.8.	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	<i>%</i>	
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	